

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **188/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 19-11-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn và bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 677/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn M, sinh năm 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: 1, đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thái T. sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 20/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đoàn Văn M trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Ông và bà T qua quen biết và tìm hiểu tiến tới hôn nhân lần 1 vào khoảng năm 2015; qua thời gian chung sống do mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân không đạt theo ý muốn, đến năm 2017 ông và bà T ly hôn.

Đến khoảng năm 2019 do còn tình cảm, ông và bà T quay lại chung sống như vợ chồng và thống nhất tiến hành đăng ký kết hôn (số đăng ký kết hôn 66) tại UBND

phường M, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 30/05/2019. Qua thời gian chung sống bên nhà bà T; đến khoảng cuối năm 2020, ông và bà T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không tiếp tục chung sống được nữa. Từ thời điểm đó đến nay ông và bà T ly thân; lý do không còn tin tưởng và thống nhất về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Về hôn nhân: ly hôn với bà T;

2/ Về con chung: ông và bà T có 01 con chung Đoàn Nhật M1, sinh ngày 04/10/2019. Khi ly hôn ông M giao quyền nuôi con cho bà T và cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

3/ Về tài sản chung: không có;

4/ Về nợ chung: không có.

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà T thể hiện ý kiến như sau:**

Bà thống nhất nội dung trình bày của ông M liên quan đến quá trình cả hai tiến đến hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện tại do tình cảm không còn nên bà thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông M, không đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông M.

Đối với con chung Đoàn Nhật M1, sinh ngày 04/10/2019. Bà đồng ý sẽ nuôi con khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con bà yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng.

Giữa bà và ông M không có tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa ngày 19 tháng 11 năm 2024:

Nguyên đơn và bị đơn vẫn thống nhất ý kiến về hôn nhân cả hai thuận tình ly hôn; về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân không có; về con chung khi ly hôn bà T nuôi dưỡng con chung Đoàn Nhật M1, sinh ngày 04/10/2019. Riêng cấp dưỡng nuôi con ông M yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng; bà T yêu cầu cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bà T. Bà T có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 30/5/2019. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh

phúc nên ông M yêu cầu ly hôn với bà T. Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay ông M và bà T vẫn giữ nguyên ý kiến thống nhất tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông M và bà T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông M và bà T có một con chung là cháu Đoàn Nhật M1, sinh ngày 04/10/2019. Khi ly hôn ông M và bà T thống nhất cháu M1 sẽ do bà T nuôi dưỡng. Xét thời gian qua cháu M1 được bà T trực tiếp nuôi dưỡng và hiện cháu còn nhỏ nên việc ổn định cho cháu M1 tiếp tục ở với bà T là cần thiết nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Ông M yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; bà T yêu cầu cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Ông M trình bày hiện đang công tác trong ngành công an; tại phiên tòa ông cung cấp tài liệu chứng minh mức lương được cấp phát của 02 tháng gần nhất với mức thu nhập sau khi đã khấu trừ là từ 10 triệu đến 12 triệu; ngoài ra ông M còn cung cấp thêm các tài liệu khác thể hiện ông đang điều trị bệnh và có nghĩa vụ nuôi dưỡng cha ruột nên không đủ khả năng cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của bà T;

- Bà T trình bày hiện đang làm kế toán với mức thu nhập là 6.000.000 đồng/tháng.

- Bà T liệt kê mức chi phí nuôi con hằng tháng gồm tiền học, tiền sữa và tiền ăn uống, quần áo, thuốc,...là 4.470.000 đồng/tháng

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình quy định “*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*”. Do ông M và bà T không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nên căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của ông M và nhu cầu thiết yếu của con chung Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 19/11/2024.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ nợ chung: Ông M, bà T trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; và chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị Thái T.

2/ Về quan hệ con chung: Cháu Đoàn Nhật M1, sinh ngày 04/10/2019 giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Bà T phải tạo điều kiện cho ông M trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 19/11/2024 cho đến khi con chung trưởng thành. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ một phần vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000689, ngày 30/9/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông M còn phải nộp thêm 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Ông M, bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu